|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG THPT ……..  **TỔ ……………………..** |  | **HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN**  **……………………………….** |

**Chủ đề 9: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LUẬT QUỐC TẾ**

**BÀI 14: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ**

Thời gian thực hiện: 2 tiết; Tiết PPCT: 56, 57

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan tới các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện những hoạt động học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống đặt ra trong bài học và trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến pháp luật quốc tế.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các nguyên cơ bản của pháp luật quốc tế; phê phán những hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

**3. Phẩm chất**

- Có trách nhiệm trong việc đánh giá hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

- Đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, video, câu chuyện (nếu có),… liên quan đến bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....;

- Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu,…

**III. Tiến trình dạy học**

**TIẾT 1**

**1. Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Giới thiệu ý nghĩa bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về pháp luật quốc tế, tạo hứng thú để dẫn dắt vào bài học mới.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu một đoạn video ngắn về một sự kiện có liên quan đến pháp luật kinh tế và khuyến khích HS chú ý và ghi chép lại những thông tin quan trọng; HS quan sát và vận dụng kiến thức thực tế, hiểu biết của bản thân và trả lời câu hỏi và nêu ra những ý kiến riêng của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về quan điểm và vai trò của pháp luật quốc tế và nêu một số nhận định chung về tầm quan trọng của pháp luật quốc tế trong đời sống xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu đoạn video sau: [Việt Nam đề nghị các nước tuân thủ luật quốc tế khi diễn tập ở Biển Đông | Báo VietNamNet (youtube.com)](https://www.youtube.com/watch?v=KKw0WDaIilc) và yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi sau trong vòng 3 phút: *Em hãy trình bày những thông tin chính mà em thu thập được sau khi xem đoạn video trên về pháp luật quốc tế?; Em hãy nêu tên một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết.*

- Đường link video: https://www.youtube.com/watch?v=KKw0WDaIilc

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng hiểu biết thực tế của bản thân, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi sau khi xem đoạn video đã được GV trình chiếu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi trước lớp:

Câu hỏi 1 : *Trình bày những thông tin chính trong đoạn video đã chiếu:*

*+ Về nội dung video : Việt Nam đề nghị các nước tuân thủ luật quốc tế khi diễn tập ở biển Đông.*

*+ Hoạt động chính trong video : Việc trả lời câu hỏi của phóng viên đề nghị cho biết quan điểm của Việt Nam trước việc một số nước liên tục có hoạt động diễn tập quân sự trên Biển Đông với thời gian sát nhau, Phó phát ngôn Bộ Ngoại giao Đoàn Khắc Việt khẳng định: "Biển Đông là một trong những vùng biển rất quan trọng trong khu vực".*

*+ Quan điểm/ hành động của Việt Nam : Việt Nam đề nghị hoạt động của các bên, các nước liên quan cần phải phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, đồng thời phải đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu trên.*

Câu hỏi 2 : *Em hãy nêu tên một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết.*

*+ Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Hiến chương Liên Hợp Quốc (1945), Công ước Viên về quan hệ ngoại giao (1961), Công ước Liên Hợp Quốc về luật biển (UNCLOS) (1982), Nghị định thư Kyoto về Biến đổi Khí hậu (1997),…*

*- GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung.*

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*+ Nhìn chung, pháp luật quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một thế giới hòa bình, công bằng và thịnh vượng cho tất cả mọi người.*

*+ Ngoài ra, pháp luật quốc tế còn ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta thông qua các luật pháp quốc gia được ban hành để thực thi các nghĩa vụ quốc tế của một quốc gia. Ví dụ, luật pháp Việt Nam về bảo vệ môi trường được ban hành để thực thi nghĩa vụ của Việt Nam theo Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu.*

*+ Hiểu biết về vai trò và ảnh hưởng của pháp luật quốc tế là điều quan trọng đối với mỗi cá nhân, vì nó giúp chúng ta hiểu được những quyền và nghĩa vụ của mình trong cộng đồng quốc tế, đồng thời tham gia vào việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.*

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Do nhu cầu thiết lập hòa bình, an ninh quốc tế, chấm dứt xung đột, bảo đảm quyền con người và phát triển sự hợp tác giữa các quốc gia mà những nguyên tắc cơ bản và những quy phạm pháp luật quốc tế hiện đại đã hình thành và ngày càng phát triển. Việc thiết lập quan hệ giữa các quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, cũng như giải quyết tranh chấp, xung đột giữa các chủ thể đó hiện nay đều phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc và các quy phạm pháp luật quốc tế. Chúng ta cùng vào* ***Bài 14 – Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế.***

**- Gợi ý trả lời câu hỏi sách giáo khoa trang 103:***"Em hãy nêu tên một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết.":* Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Hiến chương Liên Hợp Quốc (1945), Công ước Viên về quan hệ ngoại giao (1961), Công ước Liên Hợp Quốc về luật biển (UNCLOS) (1982), Nghị định thư Kyoto về Biến đổi Khí hậu (1997),…

**2. Khám phá**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về khái niệm pháp luật quốc tế**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi :

*1/ Pháp luật quốc tế được ban hành bởi những chủ thể nào và theo cách thức nào ?*

*2/ Pháp luật quốc tế được có thể được biểu hiện ở những văn bản nào ?*

*3/ Pháp luật quốc tế gồm những bộ phận hay những yếu tố nào ?*

*4/ Em hiểu thế nào là pháp luật quốc tế ?*

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo yêu cầu của GV.

- HS rút ra khái niệm pháp luật quốc tế.

***Khái niệm:*** PLQT là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  - GV dẫn dắt:  *+ PLQT được tạo nên bởi nhiều yếu tố và các yếu tố này có sự gắn kết với nhau trong nhiều mối quan hệ tương tác, tạo thành hệ thống Pháp luật quốc tế hiện đại và giữ vai trò trung tâm, bởi được các quốc gia và các thực thể quốc tế khác sử dụng với tính chất là công cụ pháp lý để duy trì sự phát triển của hệ thống này trong một trật tự pháp luật nhất định và có sự bao quát tới hầu hết các lĩnh vực của đời sống quốc tế.*  *+ Hình thành và tồn tại, kết hợp với xu thế phát triển của thời đại, pháp luật quốc tế hiện đại là kết quả và là sự phản ánh các quan hệ quốc tế trong điều kiện hợp tác, phát triển của cộng đồng thế giới đang có những thay đổi to lớn về mọi phương diện, cấp độ, tuân theo quy luật vân đông khách quan ở từng quốc gia cũng như trên phạm vi toàn cầu.*  - GV sử dụng KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN kết hợp với kỹ thuật, tổ chức cho HS làm việc nhóm, số lượng HS cho mỗi nhóm từ 4 -6 HS để đảm bảo hiệu quả hoạt động nhóm, đọc thông tin trong SGK tr.103-104 và trả lời câu hỏi:  *1/ Pháp luật quốc tế được ban hành bởi những chủ thể nào và theo cách thức nào ?*  *2/ Pháp luật quốc tế được có thể được biểu hiện ở những văn bản nào ?*  *3/ Pháp luật quốc tế gồm những bộ phận hay những yếu tố nào ?*  *4/ Em hiểu thế nào là pháp luật quốc tế ?*  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK, rút ra kết luận và cho biết:  *+ Khái niệm về Pháp luật quốc tế?*  ♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - HS đọc thông tin trong SGK tr.103-104, làm việc nhóm với số lượng 4 – 6 học sinh/ nhóm.  - GV tổ chức cho HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi và trình bày kết quả vào khăn trải bàn của mình, sau đó thống nhất kết quả nhóm vào chính giữa khăn trải bàn.    - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  ♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận  - Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1-2 HS trình bày câu trả lời, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.  - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  1/ PLQT được ban hành bởi chủ thể chủ yếu là các quốc gia, ngoài ra còn có các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế liên quốc gia hay còn gọi là tổ chức quốc tế liên chính phủ (ví dụ: Tổ chức Thương mại Thế giới, Tổ chức Y tế Thế giới,…) và các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập (ví dụ : Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mặt trận Nhân dân Giải phóng Palestine,…).  PLQT được ban hành theo cách thức là các chủ thể của luật quốc tế thỏa thuận với nhau trên cơ sở bình đẳng và tự nguyện để xây dựng nên.  2/ PLQT có thể được thể hiện ở các văn bản pháp luật như :  + Một là, Hiến chương Liên Hợp Quốc (1945).  + Hai là, Quy chế của Tòa án quốc tế (1945). Nội dung Quy chế của Tòa án quốc tế năm 1945 thể hiện những nội dung sau: Tổ chức của tòa án quốc tế; Quyền hạn của tòa án; Thủ tục xét xử và những kết luận tư vấn.  + Ba là, Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao. Công ước Viên về quan hệ ngoại giao năm 1961 là một hiệp ước quốc tế xác định khuôn khổ cho quan hệ ngoại giao giữa các nước độc lập. Nó chỉ định các đặc quyền của một phái bộ ngoại giao cho phép các nhà ngoại giao thực hiện chức năng của họ mà không sợ bị ép buộc hoặc quấy rối bởi nước sở tại. Đây là cơ sở pháp lý cho miễn trừ ngoại giao. Văn kiện của nó được coi là nền tảng của quan hệ quốc tế hiện đại. Tính đến tháng 10 năm 2018, nó đã được phê chuẩn bởi 192 quốc gia  + Bốn là, Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự. Công ước quốc tế được thông qua 24/4/1963 gồm lời nói đầu và 74 điều, quy định quyền ưu đãi, miễn trừ lãnh sự và các trình tự, thủ tục thiết lập và đình chỉ quan hệ lãnh sự, chức năng nhiệm vụ của cơ quan đại diện lãnh sự, thủ tục bổ nhiệm lãnh sự, cấp bậc người đứng đầu cơ quan lãnh sự, vv. Nội dung chính của công ước quy định các quyền ưu đãi, miễn trừ lãnh sự dành cho cơ quan đại diện lãnh sự và viên chức lãnh sự. Đến nay đã có trên 135 nước tham gia công ước trong đó có Việt Nam.  + Năm là, Công ước Viên 1969 về Luật Điều ước quốc tế. Công ước Viên 1969 (Luật Điều ước quốc tế) là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật quốc tế bao gồm tổng thể các nguyên tắc và các quy phạm pháp luật quốc tế, điều chỉnh quan hệ ký kết và thực hiện điều ước quốc tế giữa các chủ thể luật quốc tế với nhau.  + Sáu là, Tuyên bố về các nguyên tắc của Luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc (năm 1970).  + Bảy là, Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (năm 1973). Hiệp định Paris được ký kết sau gần 5 năm đàm phán (1968-1973). Hiệp định Paris được ký kết đã tạo ra cục diện mới làm thay đổi cơ bản tương quan lực lượng để quân và dân Việt Nam có điều kiện giải phóng miền Nam Việt Nam, thống nhất đất nước. Đây là dấu son chói lọi trong lịch sử ngành Ngoại giao Việt Nam, mở ra cánh cửa hòa bình cho đất nước sau nhiều năm chiến tranh ác liệt.  + Tám là, Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển (năm 1982). Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) được 107 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam, ký kết tại Montego Bay (Jamaica) ngày 10/12/1982. Công ước bao gồm 17 phần, 320 điều khoản, 9 phụ lục và 4 nghị quyết. Công ước có hiệu lực từ ngày 16/11/1994. Hiện nay đã có 162 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia Công ước.  + Chín là, Hiệp định Marakessh (1994) Hiệp định Marrakesh hay Tuyên ngôn Marrakesh, là một hiệp định được ký kết ở Marrakesh, Maroc, vào ngày 15 tháng 4 năm 1994, về việc sửa đổi Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại và lập Tổ chức Thương mại Thế giới. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 1995.  + ….  3/ PLQT gồm những bộ phận hay những yếu tố khác là : bao gồm công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế nhằm điều chỉnh quan hệ hợp tác toàn diện giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi quan hệ quốc tế phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu thì việc nghiên cứu, tìm hiểu luật quốc tế càng có tầm quan trọng đặc biệt, nhất là với Việt Nam.  4/ PLQT là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  ♦ Bước 4. Kết luận, nhận định  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Khái niệm và vai trò của Pháp luật quốc tế.**  a. Khái niệm pháp luật quốc tế:  ***Khái niệm:*** PLQT là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của pháp luật quốc tế**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được vai trò cơ bản của pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS đọc thông tin và tình huống SGK đưa ra tr. 104, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi; HS rút ra được kết luận về vai trò cơ bản của pháp luật quốc tế.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc thông tin và trả lời được các câu hỏi đặt ra theo yêu cầu của GV, rút ra được khái niệm, vai trò cơ bản của pháp luật quốc tế.

**Vai trò:** Pháp luật quốc tế có những vai trò cơ bản sau :

+ Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia hoặc giữa các chủ thể khác của pháp luật quốc tế phát sinh trong các lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội,…) của đời sống quốc tế nhằm giữ gìn hòa bình, an ninh, bảo đảm nhân quyền và vị sự phát triển của thế giới.

+ Là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.

+ Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, sử dụng kết hợp kỹ thuật mảnh ghép, đọc thông tin và tình huống SGK tr. 104 và trả lời câu hỏi:  *1/ Em hãy cho biết nội dung thông tin trên phản ánh vai trò gì của pháp luật quốc tế ? Theo em, vai trò quan trọng nhất của PLQT là gì ?*  *2/ Theo em, pháp luật quốc tế thể hiện vai trò gì trong vụ việc được nêu ở tình huống trên ?*  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK, rút ra kết luận và cho biết:  *+ Vai trò của pháp luật quốc tế?*  ♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Sử dụng Phương pháp Thảo luận cặp đôi – Kỹ thuật mảnh ghép đôi.  - GV chia nhóm: GV chia lớp thành các cụm khác nhau, mỗi cụm từ 10 -12 hs. Trong mỗi cụm chia thành các nhóm khác nhau: mỗi nhóm 2 hs. Nếu lớp lẻ, thì hs dư sẽ ghép thành nhóm 3 người. Quy ước: HS A – Chủ, HS B – Khách (hoặc ngược lại)    *\* Giai đoạn 1: Chủ nhà chuẩn bị đón khách:*  - HS đọc thông tin trong SGK tr. 104, làm việc nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiêm túc chấp hành nội quy trong nhóm, ghi câu trả lời ra nháp/ phiếu học tập để trả lời các câu hỏi.  + Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, hoàn thành phiếu học tập cá nhân trong thời gian 5 phút để thực hiện các yêu cầu.  + Kết thúc 5’ làm việc, HS theo nhóm bàn chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời trong thời gian 2p.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  \* *Giai đoạn 2: Khách đến chơi nhà:*    ***+*** *Chủ nhà đãi khách:*Chủ nhà chia sẻ sản phẩm học tập của mình với khách trong thời gian 2p.  *+ Khách đãi chủ nhà*: Khách chia sẻ sản phẩm học tập của mình trong thời gian 2p    ***– Lưu ý:*** Trong nội dung chia sẻ này cả Khách và Chủ phải ghi được tóm tắt nội dung vào vở của mình và chốt lại được: Vai trò cơ bản của pháp luật quốc tế.  - GV yêu cầu cặp Khách – Chủ thảo luận trả lời câu hỏi: ***Vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện ở những điểm cơ bản nào? (thời gian 2p)***  ♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận  - Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1-2 HS trình bày câu trả lời, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.  - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:  1/ Nội dung thông tin trên phản ánh vai trò của pháp luật quốc tế trong việc điều chỉnh các quan hệ quốc tế, từ thương mại đến ngoại giao và tranh chấp lãnh thổ. Pháp luật quốc tế cung cấp các quy định và thủ tục để giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các quốc gia, như việc đàm phán và ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, hay việc nộp đơn kiện lên Tòa án Trọng tài Thường trực của Liên hợp quốc.  Vai trò quan trọng nhất của PLQT là điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các chủ thể của luật quốc tế nhằm duy trì hòa bình, an ninh quốc tế, thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia để bảo đảm nhân quyền và sự phát triển chung của thế giới.  2/ - Trong vụ việc được nêu ở tình huống trên, pháp luật quốc tế thể hiện vai trò như một công cụ để giải quyết tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước A và B. Nước A đã sử dụng Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), một công ước quốc tế, như một cơ sở pháp lý để yêu cầu Tòa án Trọng tài Thường trực của Liên hợp quốc tuyên bố về chủ quyền quốc gia đối với các đảo đó.  - Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thỏa thuận xây dựng trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế. Vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện ở những điểm cơ bản sau:  + Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia hoặc giữa các chủ thể khác của pháp luật quốc tế phát sinh trong các lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội,...) của đời sống quốc tế nhằm giữ gìn hoà bình, an ninh, bảo đảm nhân quyền và vì sự phát triển của thế giới.  + Là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.  + Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.  ♦ Bước 4. Kết luận, nhận định  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Khái niệm và vai trò của Pháp luật quốc tế.**  b. Vai trò của pháp luật quốc tế.  **Vai trò:** Pháp luật quốc tế có những vai trò cơ bản sau :  + Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia hoặc giữa các chủ thể khác của pháp luật quốc tế phát sinh trong các lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội,…) của đời sống quốc tế nhằm giữ gìn hòa bình, an ninh, bảo đảm nhân quyền và vị sự phát triển của thế giới.  + Là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.  + Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố tri thức vừa khám phá, rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống có liên quan đến vai trò của pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi bài tập 1, 2 phần Luyện tập SGK tr. 109; HS vận dụng kiến thức đã học, vận dụng kiến thức thực tế, liên hệ bản thân và thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:**

- HS trả lời được các câu hỏi tình huống, nhận định.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bài tập 1: Em hãy cho biết nhận định nào dưới đây phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế. Vì sao ?***

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các nhận định trong SGK đưa ra và hoàn thành bài tập 1 SGK tr. 109.

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

- GV mời đại diện cặp khác nhận xét, bổ sung.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, chốt đáp án đúng và chuyển sang bài tập mới.

- *Nhận định b phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế bởi pháp luật quốc tế không chỉ điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia mà còn điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế, như các tổ chức quốc tế. Trong khi đó, nhận định a chỉ giới hạn phạm vi điều chỉnh của pháp luật quốc tế đối với các quốc gia, không đề cập đến các chủ thể khác của luật quốc tế.*

***Bài tập 2: Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện qua thông tin dưới đây.***

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/ theo nhóm để xác định vai trò của pháp luật quốc tế thể hiện qua thông tin.

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, thảo luận theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào nháp/ phiếu học tập.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp:

- GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh và kết luận:

Thông tin trên thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong việc hình thành và điều chỉnh pháp luật quốc gia, cũng như trong việc điều chỉnh các quan hệ quốc tế mà Việt Nam tham gia:

+ Pháp luật quốc tế tác động lên pháp luật quốc gia: Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) đã trở thành cơ sở để xây dựng và hoàn thiện Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam. Điều này cho thấy pháp luật quốc tế có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển pháp luật quốc gia.

+ Pháp luật quốc tế điều chỉnh các quan hệ quốc tế: Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) cung cấp các quy định cụ thể về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Dựa trên các quy định này, Công ty A của Việt Nam đã ký hợp đồng mua gạo bằng văn bản với Công ty B của Philippines. Điều này cho thấy pháp luật quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ quốc tế và đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong giao dịch quốc tế.

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS tự giác áp dụng những điều đã học về vai trò của pháp luật quốc tế vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tìm hiểu và làm rõ vai trò của pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong phần Vận dụng SGK tr. 110; HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ và thực hiện ở nhà ; GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả vào tiết 2 của bài học ở buổi học tiếp theo.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Một số kí kết hay thông tin gia nhập một điều ước quốc tế của Việt Nam để thiết lập quan hệ với quốc gia khác.

- Chia sẽ ý nghĩa của việc làm trên.

**d. Tổ chức thực hiện:**

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: *làm bài tập nhóm ở nhà theo nội dung yêu cầu của SGK.*

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học theo sự hướng dẫn của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

- Dự kiến sản phẩm : Tham gia ký kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc ký kết điều ước quốc tế để thiết lập quan hệ với quốc gia khác là một phần quan trọng của chính sách đối ngoại của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này không chỉ giúp Việt Nam hòa nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việt Nam đã ký kết, gia nhập và trở thành thành viên của 23 điều ước quốc tế đa phương điều chỉnh trong lĩnh vực phòng, chống các loại tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; tham nhũng; xâm phạm quyền trẻ em; mua bán người, rửa tiền, khủng bố và tài trợ khủng bố...

+ Nội luật hóa quy định Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung Công ước UNTOC (Nghị định thư TIP).

+ Nội luật hóa Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng. Việt Nam là thành viên Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) từ ngày 19/8/2009.

+ Nội luật hóa quy định về tội phạm rửa tiền theo các điều ước quốc tế và khuyến nghị của các tổ chức quốc tế về rửa tiền, tài trợ khủng bố.

+ Một ví dụ điển hình là việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007. Việc này đã mở ra cơ hội cho Việt Nam tiếp cận với thị trường quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, việc tham gia các điều ước quốc tế cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam phải tuân thủ các quy định và cam kết trong các điều ước đó. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, từ việc nâng cao năng lực pháp lý, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đến việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

Nhìn chung, việc tham gia các điều ước quốc tế là một bước đi quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời mở ra cơ hội để chúng ta học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác với các quốc gia khác trên nhiều lĩnh vực. Tôi tin rằng với sự nỗ lực và quyết tâm của chúng ta, Việt Nam sẽ tiếp tục tận dụng hiệu quả các cơ hội này để phát triển và thịnh vượng.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và kết thúc tiết học.

**TIẾT 2**

**1. Khởi động**

**a) Mục tiêu*.*** Giới thiệu ý nghĩa của tiết học; khai thác trải nghiệm, hiểu biết của HS về một số nguyên tắc của luật quốc tế.; tạo hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

**b) Nội dung*.*** GV cho học sinh chơi trò chơi ‘‘nhìn hình đoán chữ ’’

**c) Sản phẩm*.*** Học sinh tìm ra một số từ khoá liên quan đến nguyên tắc của Luật quốc tế.

** d) Tổ chức thực hiện**

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS xem hình ảnh, cho học sinh nhìn hình đoán chữ.

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh, suy luận, tìm ra từ khoá liên quan.

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

*-* Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc và Tuyên bố về những nguyên tắc của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc năm 1970, đòi hỏi tất cả các quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc khi tham gia vào các quan hệ quốc tế phải tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh. Để hiểu rõ về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế chúng ta cùng nhau tìm hiểu tiết học ngày hôm nay.*

**2. Khám phá**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế ; Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1, 2 trong SGK tr.107 và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được bài vào vở các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

1/Việc các quốc gia thành lập, xin ra nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản sau :

Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác, nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc và nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì : Các quốc gia tham gia đàm phán để thành lập và xin gia nhập EU là phù hợp với nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia vì các quốc gia tham gia liên minh để hợp tác với nhau cùng phát triển, các quốc gia thành viên của liên minh bình đẳng với nhau về chủ quyền, mỗi quốc gia đều có quyền quyết định tham gia hay không tham gia vào liên minh này trên cơ sở quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. Việc nước Anh xin rút khỏi EU là phù hợp với nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

2/ Hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác và nguyên tắc quyền bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì với lệnh cấm vận của Mỹ các doanh nghiệp của Mỹ và nhiều nước khác không thể thiết lập quan hệ thương mại, xuất nhập khẩu hàng hóa với Cuba gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân Cuba.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, kết hợp sử dụng kỹ thuật bể cá, nghiên cứu thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:  *1/ Em hãy cho biết việc các quốc gia thành lập, xin ra nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế. Vì sao?*  *2/ Theo em, hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao ?*  ♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm, thảo luận về các nội dung GV yêu cầu.  - GV sử dụng vòng quay may mắn để gọi HS bất kỳ, hoặc GV chỉ định để ngồi vào vòng thảo luận. <https://quayso.vn/vongquay.html> (link vòng quay may mắn trực tuyến có thể sử dụng bằng cả điện thoại và máy tính)  + Bước 1 : Chia nhóm tương ứng với nội dung câu hỏi. Ví dụ nhóm 1,3,5 thảo luận câu hỏi 1 ; 2,4,6 thảo luận câu hỏi số 2, trong thời gian 5 phút.  + Bước 2 : Quay vòng quay măn mắn chọn người ngồi vào giữa vòng thảo luận (Bao gồm đại diện của nội dung 1 và nội dung 2 – 1 người đặt giới thiệu về mình, đặt câu hỏi, trả lời, phản biện,…), như con cá trong bể, tạo sự bất ngờ và tự giác trong quá trình học cho học sinh. Các học sinh còn lại đóng vai trò là người quan sát bể cá, sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những thành viên đang thảo luận.    Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. Các thành viên tham gia nhóm quan sát có thể thay nhau ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.  Lưu ý:  Bảng câu hỏi cho những người quan sát  - Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không ?  - Họ có nói một cách dễ hiểu không ?  - Họ có để những người khác nói hay không ?  - Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không ?  - Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không ?  - Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không ?  - Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không ?  ♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận  - GV gọi đại diện 1, 2 HS tóm tắt lại kết quả thảo luận về mặt kiến thức trình bày trước lớp, HS khác góp ý bổ sung.  ♦ Bước 4. Kết luận, nhận định  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.**  Tất cả các quốc gia khi thiết lập quan hệ với các quốc gia khác trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế điều phải dựa trên cơ sở và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau của pháp luật quốc tế :  - Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế. *(Ngoại lệ : Quyền tự vệ chính đáng)*  - Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.  - Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.  *(Ngoại lệ : + Can thiệp theo quy định của các điều ước quốc tế ; Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là cơ can có quyền can thiệp vào bất kỳ vấn đề nội bộ nào của các quốc gia thanh viên nếu xét thấy « Có mối đe dọa đến hòa bình, phá hoại hòa bình và hành vi xâm lược ».*  *+ Can thiệp có sự đồng ý của quốc gia sở tại).*  - Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác.  - Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.  *-* Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia  *(Ngoại lệ : là sự đồng ý tự nguyện từ bỏ vị thế bình đẳng pháp lý, thông qua việc ký kết điều ước quốc tế. VD : khi phê chuẩn Hiến Chương Liên Hợp Quốc, các quốc gia thành viên bao gồm Việt Nam, đã tự nguyện chấp nhận sự bất bình đẳng giữa 5 ủy viên thường trực Anh, Mỹ, Pháp, Nga, Trung Quốc luôn có mặt trong HĐBA trong khi 9 thành viên không thường trực được bầu theo nhiệm kì hai năm và không được đảm nhận vị trí ủy viên hai nhiệm kì liên tục.)*  - Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế. | **2. Các nguyên tăc cơ bản của Pháp luật quốc tế.**  - Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.  - Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.  - Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.  - Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác.  - Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc  - Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.  - Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin 1, 2 trong SGK tr.108, 109 và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.

*1 / Theo em, thông tin trên đề cập tới mối quan hệ nào giữa PL quốc tế và luật quốc gia? Mối quan hệ đó được thể hiện như thế nào?*

*2/ Từ các thông tin trên, em hãy nêu khái quát tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia, cho ví dụ cụ thể minh họa?*

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu và ghi được bài vào vở mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

1 / Thông tin trên đề cập tới mối quan hệ tác động qua lại giữa PL quốc tế với luật quốc gia. Mối quan hệ đó được thể hiện: Được quy định trong Công ước về ấn định lương tối thiểu năm 1970 của tổ chức LĐ quốc tế, là cơ sở để Nhà nước ta xây dựng trong Bộ luật LĐ của VN. ( Luật LĐ của VN phù hợp, không trái với PL quốc tế về vấn đề Ấn định lương tối thiểu).

2/ PL quốc tế và luật quốc gia có tác động qua lại với nhau. Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện luật quốc gia, bảo đảm cho Luật quốc gia phù hợp với Luật quốc tế.

Ví dụ: Những quy định trong Công ước LHQ về quyền trẻ em là cơ sở để xây dựng các quy định trong Luật trẻ em của nước ta, bảo đảm những quy định trong Luật trẻ em của nước ta không trái với các quy định trong Công Ước LHQ về quyền trẻ em.

VD2: Khi VN tham gia tổ chức WTO, các nhà làm luật đã nội luật hóa các quy định của WTO và sửa đổi, bổ sung thay thế các quy định trong luật của nước ta cho phù hợp với quy định của tổ chức WTO thì đã góp phần mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh, tầm ảnh hưởng và thúc đẩy sự phát triển của PL quốc tế.

**d. Tổ chức hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| ♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  - GV sử dụng kỹ thuật Chuyền hàng, tổ chức cho HS đọc, nghiên cứu thông tin, SGK thảo luận nhóm (lớp chia thành 4 – 6 nhóm, mỗi nhóm 6-8 học sinh) và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập hoặc vào vở:  *1/ Theo em, các thông tin trên đề cập tới mối quan hệ nào giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia? Mối quan hệ đó được biểu hiện như thế nào?*  *2/ Từ các thông tin trên. Em hãy nêu khái quát tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia, cho ví dụ minh họa?*  ♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm, thảo luận về các nội dung câu hỏi trên.  ♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận  Người ngồi yên – hàng di chuyển, dựa trên kết quả các nhóm đã thảo luận và rút ra, Giáo viên tổ chức cho Hs chuyền bảng kết quả hoạt động của các nhóm, đến mỗi Nhóm - “Trạm” tương ứng, có 3 phút cho các nhóm lần lượt bổ sung ý kiến, nhận xét bài làm của nhóm bạn, cứ như thế lần lượt cho đến hết.  - Hết thời gian quy định, Giáo viên yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm thảo luận của nhóm mình. Tổ chức cho HS quan sát, so sánh,…  ***- Dự kiến sản phẩm :***  1/Các thông tin trên đề cập tới mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. Mối quan hệ đó được biểu hiện như sau: Quy định trong Công ước về Ấn định lương tối thiểu năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế là cơ sở để nhà nước Việt Nam xây dựng các quy định trong bộ luật Lao động của Việt Nam phù hợp, không trái với quy định trong công ước về Ấn định lương tối thiểu năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế. Ngược lại, việc nội luật hóa các quy định của WTO và sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định trong các đạo luật của quốc gia nước ta cho phù hợp với quy định của tổ chức quốc tế này đã góp phần mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh, tầm ảnh hưởng và thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.  2/ - Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau. Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.  Ví dụ: Khi Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em thì quy định trong công ước này trở thành cơ sở để xây dựng các quy định trong Luật Trẻ em của Việt Nam, bảo đảm cho quy định trong Luật Trẻ em phù hợp, không trái với các quy định trong Công ước trên. Từ đó góp phần làm cho pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn.  - Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Quy định trong các đạo luật của quốc gia phải phù hợp, không được trái với quy định của pháp luật quốc tế.  Ví dụ: Trên cơ sở thẩm quyền do Hiến pháp quy định, các cơ quan nhà nước của Việt Nam đã tham gia đàm phán và kí kết thành công nhiều điều ước quốc tế với các nước khác, qua đó góp phần làm hình thành thêm các quy định mới của pháp luật quốc tế và thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.  ♦ Bước 4. Kết luận, nhận định  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **2. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.**  Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau.  - Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, đảm bảo cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.  - Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Quy định trong các đạo luật của quốc gia phải phù hợp, không được trái với quy định của pháp luật quốc tế. | **3. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.**  - Pháp luật quốc gia và Luật quốc tế có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau:  + Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của Luật quốc gia, bảo đảm cho Luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của luật pháp quốc tế.  + Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của PL quốc tế. Quy định trong các đạo luật quốc gia phải phù hợp, không được trái với quy định của luật quốc tế. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học; phân tích, đánh giá được những nhận định phù hợp hoặc không phù hợp với khái niệm PL quốc tế; Phân tích được vai trò của PL quốc tế, mối quan hệ giữa PL quốc tế với luật quốc gia thông qua một tình huống hoặc 1 thông tin cụ thể; Đánh giá được những hành vi phù hợp hoặc không phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, thực hiện câu hỏi bài tập 2, 3, 4, phần Luyện tập SGK tr.109, 110; HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

***Bài tập 2: Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế qua thông tin trong SGK tr. 109.***

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu bài tập và cho học sinh đọc thông tin, làm việc cá nhân. Sau đó chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của HS trả lời câu hỏi: *Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế qua thông tin trong SGK ?*

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện 1, 2 HS trình bày câu trả lời của mình.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

- GV nhận xét và kết luận.

Thông tin trên thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong việc điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia phát sinh trong lĩnh vực kinh tế và là cơ sở để thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế vì sự phát triển của thế giới.

***Bài tập 3: Em hãy đọc các trường hợp ở bài tập 3 trong SGK tr. 110 và trả lời các câu hỏi đưa ra.***

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra yêu cầu, HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy:

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- GV cho HS thảo luận nhóm, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày câu trả lời.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận ý của nhóm mình.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

- GV kết luận: GV dựa vào các nguyên tắc của pháp luật quốc tế để phân tích, làm rõ các nguyên tắc thể hiện trong các trường hợp ở phần 3a, 3b.

a. Việc kí kết hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình. Bởi vì, đó là kết quả của quá trình đàm phán, thương lượng lâu dài giữa các bên tham chiến và dẫn đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

b. Cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U là sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là : Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế, nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình. Bởi vì, khi xung đột vũ trang hay chiến tranh xẩy ra giữa hai nước này nghĩa là hai nước đã dùng vũ lực mà không dùng biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp với nhau.

Để chấp dứt xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ: Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

***Bài tập 4: Em hãy phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia qua việc phân tích thông tin đưa ra trong bài tập 4 SGK tr. 110***

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin trong bài tập 4 và trả lời câu hỏi.

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc nhóm, vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV cho HS thảo luận nhóm các ý kiến trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày câu trả lời.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.

- GV kết luận:

Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Cụ thể, các quy định trong công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biết đối xử với phụ nữ (CEDAW) là cơ sở để xây dựng các quy định trong Luật Bình đẳng giới ở nước ta, qua đó góp phần làm cho pháp luật Việt Nam hoàn thiện hơn và bảo đảm cho luật của nước ta phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Luật quốc gia góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế vì việc nội luật hóa các quy định của công ước CEDAW trong Luật Bình đẳng giới ở Việt Nam góp phần mở rộng phạm vi điều chỉnh, tác động ảnh hưởng của công ước CEDAW, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng những điều đã học để tìm hiểu và làm rõ vai trò của pháp luật quốc tế.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu phần Vận dụng trong SGK tr. 110.

**c. Sản phẩm học tập :** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

♦ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

1. GV yêu cầu HS tìm hiểu (sưu tầm trên mạng) và chia sẻ với cả lớp về việc Việt Nam tham gia kí kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc kí kết điều ước quốc tế và chia sẻ ý nghĩa của việc làm đó.

- GV hướng dẫn gợi ý cho HS có thể viết về

 + Năm 1998, nước ta trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), kí kết một số hiệp định và thỏa thuận về tự do hóa thương mại và đầu tư với các nước thành viên APEC.

Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam học hỏi, giao lưu và thúc đẩy ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư. Việt Nam có cơ hội thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư với các quốc gia lớn trên thế giới.

Dung lượng bài khoảng một phần hai trang và thời hạn nộp bài vào tiết sau.

♦ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân và thực nhiệm vụ học tập.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

♦ Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm bài ở nhà và trình bày vào giờ học sau.

♦ Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.